



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**VIMĀNAVATTHUPĀḶI**

**&**

**CHUYỆN THIÊN CUNG**

### 3. 10.

681. Pāricchattake<sup>1</sup> kovilāre ramaṇīye manorame,  
dibbaṃ mālaṃ<sup>2</sup> ganthamānā gāyantī sampamodasi.
682. Tassā te naccamānāya aṅgamaṅgehi sabbaso,  
dibbā saddā niccharanti savaṇīyā<sup>3</sup> manoramā.
683. Tassā te naccamānāya aṅgamaṅgehi sabbaso,  
dibbā gandhā pavāyanti sucigandhā manoramā.
684. Vivattamānā kāyena yā veṇīsu piḷandhanā,<sup>4</sup>  
tesaṃ sūyati nigghoso<sup>5</sup> turiye pañcaṅgike yathā.
685. Vaṭaṃsakā vātadhūtā<sup>6</sup> vātena sampakampitā,  
tesaṃ sūyati nigghoso turiye pañcaṅgike yathā.
686. Yāpi te sirasmiṃ mālā sucigandhā manoramā,  
vāti gandho disā sabbā rukkho mañjussako<sup>7</sup> yathā.
687. Ghāyase taṃ sucim gandhaṃ<sup>8</sup> rūpaṃ passasi amānusaṃ,  
devate pucchitācikkha kissa kammaṣṣidaṃ phalaṃ 'ti.
688. Pabhassaraṃ accimantaṃ<sup>9</sup> vaṇṇagandhena saññutaṃ,<sup>10</sup>  
asokapupphamālāhaṃ buddhassa upanāmayiṃ.
689. Tāhaṃ kammaṃ karitvāna kusalaṃ buddhavaṇṇitaṃ,  
apetasokā sukhitā sampamodāmanāmayā 'ti.

### Pāricchattakavimānaṃ. Pāricchattakavaggo tatiyo.

\*\*\*\*\*

### TASSUDDĀNAṃ

Uḷāraṃ<sup>11</sup> ucchupallaṅkaṃ<sup>12</sup> latā ca guttilena ca,  
daddalla sesavatī mallī<sup>13</sup> visālakkhi pāricchattako,  
vaggo tena pavuccatī 'ti.

--ooOoo--

<sup>1</sup> pāricchattake - Syā.

<sup>2</sup> dibbamālaṃ - Ma, Syā, PTS.

<sup>3</sup> savaṇīyā - Ma, Syā, PTS.

<sup>4</sup> piḷandhanā - Syā, PTS.

<sup>5</sup> nigghaso - PTS.

<sup>6</sup> vātadhūtā - PTS.

<sup>7</sup> mañjūsako - Ma, Syā, PTS.

<sup>8</sup> sucigandhaṃ - Ma, Syā, PTS.

<sup>9</sup> acchimantaṃ - Syā.

<sup>10</sup> saṃyutaṃ - Ma, PTS.

<sup>11</sup> uḷāro - Ma.

<sup>12</sup> ucchupallaṅko - Ma.

<sup>13</sup> daddallapesamallikā - Ma.

### 3. 10.

681. Nàng khởi tâm hân hoan trong khi vừa kết buộc tràng hoa thuộc cõi trời với các bông hoa *pāricchattaka* và *koviḷāra* đáng yêu, làm thích ý, trong khi vừa ca hát.

682. Trong khi nàng đây đang nhảy múa, các âm thanh thuộc cõi trời, làm êm tai, làm thích ý, phát ra từ toàn bộ các thành phần của cơ thể.

683. Trong khi nàng đây đang nhảy múa, các hương thơm thuộc cõi trời, là các hương thơm tinh khiết, làm thích ý, tỏa ra từ toàn bộ các thành phần của cơ thể.

684. Trong khi nàng đang xoay tròn thân thể, tiếng ngân vang của các vật trang sức ở các bím tóc được nghe giống như từ năm loại nhạc cụ.

685. Các vòng hoa đeo tai bị gió thổi, bị lay động bởi làn gió, tiếng ngân vang của chúng được nghe giống như từ năm loại nhạc cụ.

686. Luôn cả những tràng hoa ở trên đầu của nàng là có hương thơm tinh khiết, làm thích ý; giống như cây *mañjussaka*, hương thơm (của chúng) thổi đi tất cả các phương.

687. Nàng nghĩ được hương thơm tinh khiết ấy, nàng nhìn thấy hình ảnh không thuộc loài người. Hỏi nàng tiên, đã được hỏi, mong nàng thuật lại quả báu này là của nghiệp nào?”

688. “Tôi đã hiến dâng đến đức Phật tràng hoa làm bằng hoa vô ưu, rực rỡ, lấp lánh, được kết hợp với màu sắc và hương thơm.

689. Sau khi đã thực hiện việc làm ấy, là việc tốt lành đã được đức Phật khen ngợi, với sự sâu muộn đã được tiêu trừ, được an vui, tôi khởi tâm hoan hỷ, không có tật bệnh.”

### **Thiên cung Pāricchattaka. Phẩm Pāricchattaka là thứ ba.**

\*\*\*\*\*

### **TÓM LƯỢC PHẨM NÀY**

(Thiên cung) cao sang, (bố thí) mía, chiếc ghế dài, của Latā, và bởi Guttīla, (thiên cung) tỏa sáng rực rỡ, (của) Sesavatī, Mallikā, Visālakkhī, (thiên cung) Pāricchattaka; vì thế được gọi là phẩm.

--ooOoo--